CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
Date: 2026.11.25 11:45:10 +07'00'

VinaCapital

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 20261125-01/VCFM-FUEMITEC

Ngày 25 tháng 11 năm 2026/ 25-Nov-2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear*: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management Company:* Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital/ *VinaCapital Fund Management Joint Stock Company*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)/ *Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited*
- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: QUỸ ETF VINACAPITAL VNMITECH/ *VINACAPITAL VNMITECH ETF*
- Mã chứng khoán/ Securities *code*: **FUEMITEC**
- Địa chỉ trụ sở/ *Main office address*: Lầu 17, tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam/
17th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date*: **23/11/2026**

- Đơn vị tính: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Components and weighting:*

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) *Volume/ Amount*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weight (%)*
I.Chứng khoán/ *Stock*		**824,884,000**	**99.98**
1	CII	1,700	2.73
2	CMG	200	0.39
3	CTD	200	1.76
4	CTR	100	0.70
5	DCM	400	1.47
6	DGW	300	1.42
7	DIG	2,100	2.55
8	DPG	200	0.78
9	DPM	900	2.01
10	FPT	2,400	13.09
11	GEE	200	1.46
12	GEX	2,400	5.82
13	GMD	1,600	9.70
14	GVR	500	1.65
15	HAH	200	1.11
16	HDG	500	0.98
17	HHV	1,300	1.45
18	HPG	6,100	15.12
19	HSG	1,500	1.85
20	IJC	800	0.66
21	LCG	500	0.38
22	NKG	1,100	1.62
23	PC1	600	1.18
24	PET	300	1.77
25	PHR	300	1.00
26	REE	600	3.39
27	TCH	1,600	2.70
28	VCG	1,000	1.76
29	VGC	100	0.46
30	VJC	1,000	16.64
31	VSC	900	1.41
32	VTP	200	0.98
II.Tiền/ *Cash*		**160,728**	**0.02**
III.Tổng/ *Total* (=I+II)		**825,044,728**	**100**

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between the value of basket of component securities and the value per lot of ETF:*
  + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND) 824,884,000
  + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND) 825,044,728
  + Giá trị chênh lệch/ *Difference in value (if any):* (VND) 160,728
  + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to deal with the difference (if any)*:
  . Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
  . Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Classified: Public

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, component securities can be replaced by cash (if any, state reason)*

Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) *Cash amount is replaced for 1 share (VND)*	Đối tượng áp dụng *Applied to*	Lý do *Reason*
GVR	30,030	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
PET	53,680	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
PHR	30,250	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
REE	51,205	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*
- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có)/*The correction and cancellation of transaction errors (if any):*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other relevant information (if any):*

Chỉ tiêu/ *Criteria*	Kỳ này/ *This period* 23/11/2026 (*)	Kỳ trước/ *Last period* 20/11/2026 (**)	Chênh lệch/ *Changes*
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	-	-	-
3. Tổng số lượng ETF niêm yết/đã phát hành/ *Listing/Issued ETF*	7,300,000	7,300,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/*Close Price*	10,900	10,900	-
5. Giá trị tài sản ròng/*Net Asset Value* :			
của quỹ ETF/*of the Fund*	60,228,265,177	60,745,618,453	(517,353,276)
của một lô ETF/*per Creation Unit*	825,044,728	832,131,759	(7,087,031)
của một chứng chỉ quỹ/*per Share*	8,250.44	8,321.31	(70.87)
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index Chỉ số VNMITECH/ VNMITECH index	734.61	727.90	6.71

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/11/2026/ Item 5 is net asset value calculated as at 22 November 2026
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/11/2026/ Item 5 is net asset value calculated as at 19 November 2026

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.
We declare that all information provided in this paper is true and accrate; we shall be legally responsible for any mispresentation.

Đại diện Công ty cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital
Representative of VinaCapital Fund Management JSC
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

S.G.P: 31 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đinh Gia Ninh
Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ
Head of Internal Control

Classified: Public